

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/DS – ST

Ngày: 16 – 11 – 2021

V/v “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ dân sự được chuyển giao*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên
tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự được chuyển giao*” thụ lý số: 127/2021/TLST – DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2021/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 6 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 382/2020/QĐST – DS ngày 22/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh B, sinh năm 1969. Địa chỉ: số X, ấp H, xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Tăng Ngọc T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số XB3, đường T, khóm B 6, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và số YB3, đường T, khóm B, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa cho ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1981. Địa chỉ: số X, đường V, phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng H, số công chứng 001101, quyền số 09/2021/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 02/11/2021, nộp cho Tòa án ngày 15/11/2021).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại TP

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ Z, ấp T, xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tăng Ngọc T – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty.

Tại phiên tòa, vắng mặt ông Trần Thanh B và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại TP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2021, bản tự khai ngày 25/4/2021 và lời trình bày của nguyên đơn là ông Trần Thanh B trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:***

Trước đây, gia đình ông làm nghề nuôi cá tra. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại TP (sau đây gọi tắt là Công ty TP) hoạt động kinh doanh mua bán, chế biến, bảo quản thủy sản có trụ sở tại nơi ông sinh sống. Ngày 12/10/2008, giữa ông và Công ty TP ký kết hợp đồng kinh tế số 87/HĐNL/2008, thỏa thuận mua bán cá tra nguyên liệu nuôi ao. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có đối chiếu số lượng cá đã cung cấp cho Công ty và thành tiền là 1.040.196.000 đồng. Sau đó, Công ty TP có trả cho ông được 140.000.000 đồng, còn nợ lại 900.196.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 20/02/2009. Do Công ty TP làm ăn không thuận lợi nên không thể tiếp tục trả nợ cho ông. Ông nhiều lần liên hệ ông T là đại diện của Công ty TP yêu cầu trả nợ, ông T có hứa hẹn nhưng không thực hiện. Đến ngày nào ông không nhớ rõ, ông T có giao cho ông 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota để trừ bớt tiền nợ là 350.000.000 đồng. Như vậy, Công ty TP còn nợ ông số tiền 550.196.000 đồng. Ngày 01/6/2010, ông T với tư cách cá nhân viết giấy xác nhận nợ ông số tiền còn lại, có hứa sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày nhưng không thực hiện. Tại giấy nhận nợ này, ông T cũng tự nguyện ghi giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN.QSDĐ) cho ông để làm tin nhưng lại không giao trực tiếp. Đến ngày 30/6/2010, tại Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, ông T giao bản chính này cho ông và ông H, ông Hùng quản lý trực tiếp đến ngày 02/02/2021 thì giao lại cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên để thi hành thanh toán nợ của ông H. Do món nợ này, ông T đã đồng ý nhận trách nhiệm trả từ năm 2010 và tại Bản tường trình ngày 01/8/2021, ông T cũng thừa nhận giữa ông và ông T thỏa thuận chuyển món nợ từ Công ty TP cho cá nhân ông T nên ông rút lại chứng cứ khởi kiện là Giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2010. Ông xác định, ông không cung cấp được văn bản thể hiện có việc chuyển giao nợ giữa Công ty TP sang cho cá nhân ông T vì đây là văn bản nội bộ của Công ty TP và do Công ty TP không còn hoạt động tại địa chỉ như đã đăng ký kinh doanh nên ông không yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ này.

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Tăng Ngọc T trả tiền mua cá tra là 550.196.000 đ và lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/7/2010 đến ngày vụ án được xét xử xong với lãi xuất là 9%/năm tính tròn là 11 năm với số tiền là 544.690.000 đ, tổng số tiền ông yêu cầu ông T trả là 1.094.000.000 đồng; yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/5/2021 để bảo đảm thi hành án; yêu cầu được nhận lại tiền thực hiện biện pháp bảo đảm là 200.000.000 đồng mà ông đã nộp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Long Xuyên.

**** Ông Tăng Ngọc T với tư cách là bị đơn và là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày tại văn bản ngày 01/8/2021:***

Ngày 12/10/2008, Công ty TP có ký hợp đồng kinh tế số 87/HĐNL/2008 với ông Trần Thanh B, số lượng là 65.000 kg cá tra nguyên liệu, giá là 17.000 đ/VNĐ/kg. Đến ngày 14/10/2008, Công ty TP nhập kho với số lượng là 61.188 kg, thành tiền là 1.040.196.000 đồng. Sau đó Công ty TP thanh toán cho ông B được 490.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 07/12/2008, thanh toán 30.000.000 đồng; ngày 08/01/2009, thanh toán 55.000.000 đồng; ngày 23/01/2009, thanh toán 55.000.000 đồng và ngày 10/9/2009, giao 01 xe Toyota Zace trị giá 350.000.000 đồng để trừ cán nợ. Như vậy, Công ty TP còn nợ ông B 550.196.000 đồng. Thời điểm năm 2009, tình hình kinh tế tài chính khủng hoảng toàn cầu làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TP, dẫn đến Công ty bị thua lỗ, mất cân đối trong việc thanh toán nợ và Công ty đã ngừng hoạt động từ đó đến nay. Với trách nhiệm là người đại diện của Công ty nên ông đã làm đơn tự nguyện giao nộp tài sản cá nhân là thửa đất có diện tích 512m² tọa lạc tại phường B, thành phố Long Xuyên để thanh toán nợ cho 28 hộ dân, trong đó có ông Trần Thanh B. Ngày 27/01/2010, ông đã giao GCN.QSDĐ trên cho ông Đinh Văn H là đại diện cho 28 hộ dân quản lý. Một thời gian sau, một số hộ dân có yêu cầu chia diện tích đất trên cho họ, ông không đồng ý. Năm 2018, ông Hùng có cử người đến thỏa thuận cách thanh toán nợ cho những hộ dân này, do phương thức thanh toán không phù hợp và khả năng về tài chính của ông cũng không có nên ông không đồng ý. Hiện nay, GCN.QSDĐ này ông H, ông B đã giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên để xử lý tài sản của ông cho ông Lê Thanh H, món nợ của ông Lê Thanh H thì ông đang yêu cầu cấp giám đốc thẩm xem xét lại vụ việc. Đối với nợ ông B ông đồng ý trả thay cho Công ty TP theo đúng tỷ lệ trong tổng số nợ của 28 hộ dân (tức 8,78% trong 6.260.149.670 đồng, cụ thể là 550.196.000 đồng).

Theo các văn bản ngày 09/8/2021 và ngày 22/8/2021, ông Tăng Ngọc T thay đổi ý kiến, không đồng ý thanh toán tiền cho ông Trần Thanh B do ông B có hành vi giả mạo chữ ký của ông tại Giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2010 và ông B tự ý giao GCN. QSDĐ của ông cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên để giải quyết nợ cho ông Lê Thanh H. Ngoài ra, ông T còn đề nghị Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của ông tại Giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2010.

Tại phiên tòa:

Người được ông Tăng Ngọc T ủy quyền trình bày: Số tiền 550.196.000 đồng mà ông B yêu cầu cá nhân ông Tăng Ngọc T trả là xuất phát từ hợp đồng mua cá tra giữa Công ty TP và ông Trần Thanh B. Do thời điểm năm 2010, Công ty TP không còn tài sản nên cá nhân ông T tự nguyện sử dụng tài sản của mình để trả nợ thay cho Công ty TP, số tiền tổng cộng là 6.260.149.670 đồng, trong đó có nợ ông B là 550.190.0000 đồng. Tài sản sử dụng trả nợ là thửa đất 512m² tại phường B, thành phố Long Xuyên. Việc ông T là người trả nợ thay cho Công ty TP được các thành viên góp vốn khác của Công ty đồng ý. Ông T đã giao GCN.QSDĐ thửa đất trên cho ông H, ông B quản lý. Tuy nhiên, ông H, ông B lại tự ý giao nộp cho cơ quan thi hành để xử lý nợ cho ông H và ông B tạo chứng cứ giả là Giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2010. Do đó, ông T thay đổi ý kiến là không công nhận số tiền nợ ông B là nợ của cá nhân ông T, không đồng ý trả nợ thay cho Công ty TP đối với món nợ của ông B, ông H. Đối với những món nợ của những hộ dân còn lại ông T vẫn đồng ý trả thay Công ty TP như trước

đây. Do ông B đã rút lại chứng cứ là Giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2010 nên ông xác định không yêu cầu trưng cầu giám định tài liệu, chứng cứ này.

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là ông Trần Thanh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Công ty TP tiếp tục vắng mặt lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Số tiền ông B yêu cầu ông T trả cho ông là của Công ty TP nợ. Ngoài sự thừa nhận của ông T tại văn bản ngày 01/8/2021 ra thì ông B không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh đây là nợ cá nhân ông T. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho ông Tăng Ngọc T xác định cá nhân ông T không đồng ý trả nợ cho ông B. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thu thập thêm tài liệu, chứng cứ khác để có cơ sở đưa ra phán quyết phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự, ban đầu được Tòa án xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và qua lời trình bày của các bên, đủ sở để Hội đồng xét xử xác định nội dung tranh chấp giữa ông B và ông T là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự đã chuyển giao. Bị đơn là ông Tăng Ngọc T có nơi cư trú tại số XB3, đường T, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông Tăng Ngọc T là bị đơn trong vụ án ủy quyền ông Nguyễn Tấn Phúc. Việc ủy quyền được lập thành văn bản, nội dung ủy quyền không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ông Trần Thanh B là nguyên đơn trong vụ án có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/8/2021, lý do tình hình dịch bệnh Covid – 19 tại Đồng Tháp đang diễn ra phức tạp. Yêu cầu của ông B là phù hợp với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho ông Tăng Ngọc T với tư cách tham gia tố tụng là bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét về nội dung của Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng H, số công chứng 001101, quyển số 09/2021/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 02/11/2021, thể hiện ông Nguyễn Tấn P là người được cá nhân ông Tăng Ngọc T ủy quyền tham gia tố tụng. Như vậy, tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại TP tiếp tục vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TP.

Về nội dung:

[5] Ngày 08/9/2021, nguyên đơn có Tờ tường trình về việc rút lại tài liệu, chứng cứ là Giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2010. Yêu cầu này là phù hợp với khoản 1 Điều 103 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định không đánh giá chứng cứ là Giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2010 để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các bên và sự thừa nhận của ông T vừa là bị đơn, vừa là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định số tiền mua cá tra nguyên liệu mà Công ty TP còn nợ ông B là có thật; việc cá nhân ông T nhận trách nhiệm trả món này là có thật và giữa ông B, ông T có sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ Công ty TP sang cho cá nhân ông T cũng là thật. Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì những sự kiện này không cần phải chứng minh do được các đương sự thừa nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ khác như phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa.

[7] Xét thấy, sự chuyển giao nghĩa vụ trả nợ này được thực hiện trên cơ sở tự do, tự nguyện, cam kết thỏa thuận giữa bên có quyền là ông Trần Thanh B và bên vừa có nghĩa vụ, vừa thế nghĩa vụ là ông Tăng Ngọc T. Nghĩa vụ được chuyển giao là nghĩa vụ không thuộc trường hợp pháp luật không cho phép chuyển giao. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quyết định áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[8] Xét thấy, ông B và ông T thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán tiền mua cá tra nguyên liệu với số tiền là 550.196.000 đồng từ Công ty TP sang cho cá nhân ông T. Đây là sự thỏa thuận miệng, được các bên thừa nhận. Như vậy, về chủ thể, hình thức và nội dung thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ là phù hợp với Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Từ đó, đã làm phát sinh nghĩa vụ dân sự của cá nhân ông T với ông B về số nợ là 550.196.000 đồng. Ngày 08/9/2021, ông T thay đổi ý chí, không đồng ý trả nợ cho ông B như cam kết trước đây. Việc thay đổi ý chí của ông T làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Để bảo đảm sự công bằng giữa chủ thể và sự ổn định trong giao lưu dân sự, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận việc ông T thay đổi ý chí là không đồng ý trả nợ thay cho Công ty TP.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005, buộc ông Tăng Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ dân sự là trả cho ông Trần Thanh B số tiền vốn chậm trả là 550.196.000 đồng kèm theo lãi trên nợ gốc.

[10] Về tiền lãi, ông B yêu cầu trả lãi từ ngày 01/7/2010 đến ngày xét xử là 11 năm với lãi suất 9%/năm. Yêu cầu của ông B về thời gian tính lãi là ngắn hơn và mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình của ba Ngân hàng tại địa phương. Yêu cầu này là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Do ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông B với số tiền là 1.094.000.000 đồng nên cần thiết phải tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/5/2021 để bảo đảm thi hành án. Đồng thời, ông B được nhận lại số tiền là 200.000.000 đồng theo Quyết định số 04/2021/QĐ – BPBD ngày 11/5/2021.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.755.000 đ (hai mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002815 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn là ông Tăng Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 44.820.000 đ (bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 92, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 290 và Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Thanh B.

Buộc bị đơn là ông Tăng Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh B tổng số tiền là 1.094.000.000 đ (một tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu đồng). Trong đó có tiền vốn còn nợ là 550.196.000 đ (năm trăm năm mươi triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 544.690.000 đ (năm trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/05/2021 về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để bảo đảm việc thi hành án. Tài sản phong tỏa là số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) trong tài khoản số 214.000.225.605 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch Long Xuyên do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên đang gửi tiết kiệm chờ chi trả cho ông Tăng Ngọc T.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Thanh B được nhận lại tiền đã gửi bảo đảm là 200.00.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và lãi nếu có tại Ngân hàng

Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Long Xuyên theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn, số AD 00015591454, ngày phát hành là 11/05/2021.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.755.000 đ (hai mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002815 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn là ông Tăng Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 44.820.000 đ (bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.Long Xuyên
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phạm Xuân Khanh